

Denne fortellingen kommer fra African Storybook ([africanstorybook.org](http://africanstorybook.org)) og er videreformidlet av Barnebokser for Norge ([barnebokser.no](http://barnebokser.no)), som tilbyr barnebokser på mange språk som snakkes i Norge.

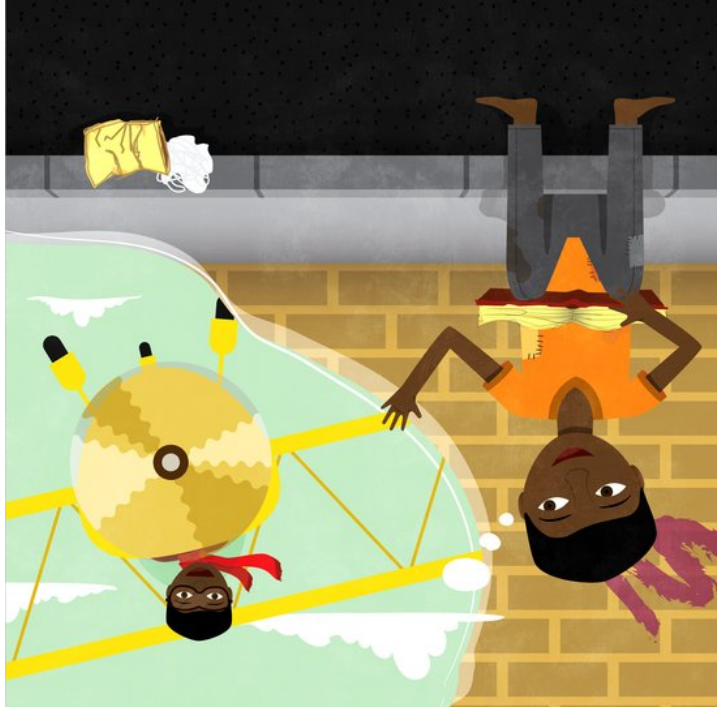
Dette verket er lisensiert under en Creative Commons

[Navngivelse 4.0 Internasjonal Lisens.](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/deed.no)

<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/deed.no>

Câu bé Magozwe

Magozwe



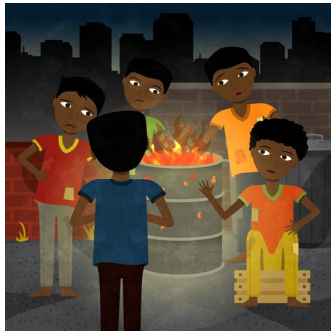
✎ Lesley Koyi

🔊 Wiehan de Jager

📖 Phuong Nguyen

💬 vietnamesisk / bokmål

📊 nivå 5



Có một nhóm những bé trai vô gia cư sống trong thành phố Nairobi bện rộn, cách xa sự quan tâm của gia đình. Chúng chào đón mỗi ngày đến. Vào buổi sáng nọ, những bé trai này xếp những tấm chiếu sau khi ngủ trên vỉa hè lạnh. Để xua tan cái lạnh, chúng dùng rác để nhóm một đống lửa. Trong số những bé trai đó có Magozwe. Nó là đứa nhỏ tuổi nhất.

...

I den travle byen Nairobi, langt fra det trygge livet hjemme, bodde det en gjeng hjemløse gutter. De tok hver dag akkurat som den kom. En morgen pakket guttene sammen mattene sine etter at de hadde sovet på det kalde fortauet. For å fordrive kulden lagde de et bål av søppel. En av guttene i gjengen var Magozwe. Han var den yngste.



Khi bố mẹ của Magozwe mất, nó chỉ mới năm tuổi. Nó tới sống cùng chú của mình. Người chú này chẳng quan tâm gì tới Magozwe cả. Ông chẳng cho Magozwe dù thức ăn. Ông cũng bắt Magozwe làm rất nhiều việc khó nhọc.

...

Da Magozwes foreldre døde, var han bare fem år. Han dro for å bo med onkelen sin. Denne mannen brydde seg ikke om barnet. Han ga ikke Magozwe nok mat. Han tvang gutten til å jobbe hardt.



Nếu như Magozwe than phiền hay có câu hỏi gì, ông chú này liền đánh nó. Khi Magozwe hỏi nó có được đi học không, chú của nó đánh nó và nói rằng: “Mày ngốc lắm, không thể học được gì đâu.” Sau ba năm bị đối xử như thế này, Magozwe bỏ nhà chú nó ra đi. Nó bắt đầu sống trên đường phố.

...

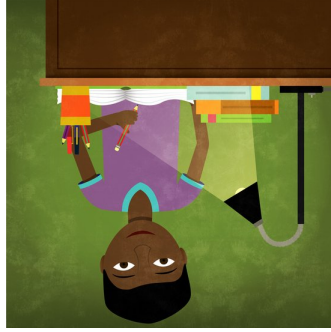
Hvis Magozwe klagde eller stilte spørsmål, slo onkelen hans ham. Når Magozwe spurte om han kunne gå på skolen, slo onkelen hans ham og sa: “Du er for dum til å lære noe som helst.” Etter tre år med denne behandlingen rømte Magozwe fra onkelen sin. Han begynte å bo på gata.



Magozwe đang ngồi trong sân căn nhà có mái màu xanh lá cây đọc một quyển truyện từ trường. Thomas đi đến và ngồi bên cạnh nó. Thomas hỏi: “Câu chuyện kể về cái gì vậy?” Magozwe trả lời: “Nó kể về một cậu bé trở thành giáo viên.” Thomas hỏi: “Cậu bé đó tên gì?” Magozwe mỉm cười và nói: “Tên cậu bé là Magozwe.”

...

Magozwe satt på tunet ved huset med det grønne taket og leste en barnebok fra skolen. Thomas kom og satte seg ved siden av ham. “Hva handler fortellingen om?” spurte Thomas. “Den handler om en gutt som blir lærer”, svarte Magozwe. “Hva heter gutten?” spurte Thomas. “Han heter Magozwe”, svarte Magozwe med et smil.



Magozwe băt đầu đi học và thấy rất khó. Nó phải cúi theo rất nhiều bài. Có khi nó muốn bỏ cuộc. Nhưng nó nghĩ về chú phi công và cầu thủ bóng đá trong truyện. Gióng như những người này, nó không bỏ cuộc.

...

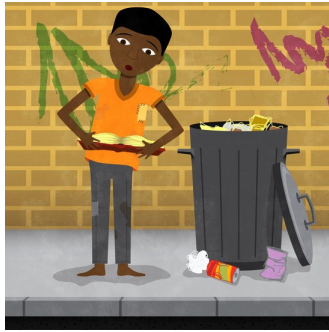
Magozwe begynte på skolen, og det var vanskelig. Han hadde mye å ta igjen. Av og til ville han gi opp. Men han tenkte på piloten og fotballspilleren i barnebøkene. Som dem ga han ikke opp.



Cuộc sống trên đường phố rất khó khăn và hầu hết những bé trai này hàng ngày phải chặt vật chỉ để kiếm ăn. Tình hình thối nát, chúng bị bắt. Tình hình thối nát, chúng bị đánh. Khi chúng bị bệnh, chẳng có ai giúp cả. Chúng phải thọc vào số tiền ít ỏi có được từ ăn xin, bán đồ nhũn và những thứ có thể tái chế được. Cuộc sống càng khó khăn hơn bởi những trăn dân nhàu gĩa những nhóm đôi thú muốn quản lí một phần của thành phố.

...

Livet på gata var vanskelig, og de fleste guttene slet hver dag bare for å finne mat. Noen ganger ble de arrestert, andre ganger ble de slått. Når de ble syke, var det ingen som kunne hjelpe dem. Gjengen var avhengig av de få pengene de fikk fra å tigge og fra å selge plast og annet til resirkulering. Livet var enda vanskeligere på grunn av slasskamper med rivaliserende gjenger som ville ha kontroll over deler av byen.



Một ngày nọ, khi Magozwe đang lục thùng rác, nó tìm thấy một quyển truyện cũ nát. Nó phúi bụi đi và để quyển truyện vào túi của mình. Sau đó, mỗi ngày, Magozwe đều mang quyển truyện ra và xem những hình vẽ trong đó. Nó không biết đọc chữ.

...

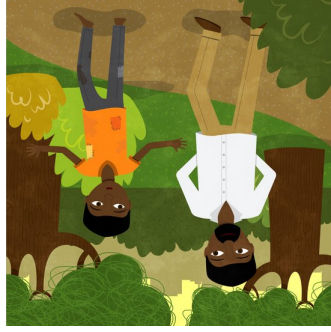
En dag mens Magozwe lette i noen søppelbøtter, fant han en gammel fillete barnebok. Han fjernet møkka fra den og la den i sekken sin. Hver påfølgende dag tok han ut boka og så på bildene. Han visste ikke hvordan han skulle lese ordene.



Và thế là Magozwe dọn đến ở trong một căn phòng trong ngôi nhà có mái màu xanh lá cây. Nó ở cùng phòng với hai đứa con trai khác. Tổng cộng có mười đứa con trai sống trong căn nhà đó cùng với cô Cissy và chồng cô, ba con chó, một con mèo, và một con dê già.

...

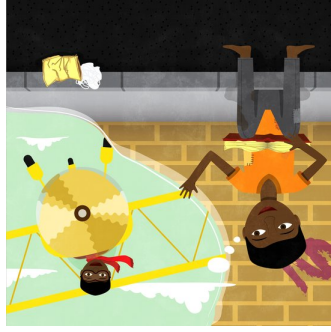
Dermed flyttet Magozwe inn i et rom i et hus med grønt tak. Han delte rommet med to andre gutter. Til sammen var det ti barn som bodde i det huset. Sammen med tante Cissy og mannen hennes, tre hunder, en katt og en gammel geit.



Nó chia sẻ những nỗi sợ này với Thomas. Sau một thời gian, Thomas cũng trải an Magozwe là cuộc sống sẽ tốt hơn ở chỗ mới.

...

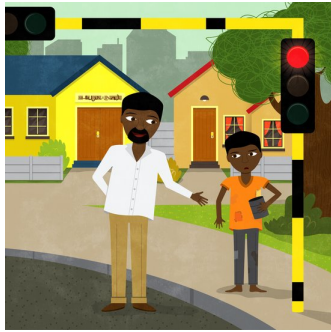
Han snakket om det han var redd for med Thomas. Med tiden forsikret mannen gutten om at livet kunne bli bedre på det nye stedet.



Nhưng hình vẽ kể câu chuyện về một cậu bé lớn làm phi công. Magozwe mơ một ngày được làm phi công. Tình huống, nó tương tự như tình huống của cậu bé trong truyện.

...

Bildene fortalte fortellingen om en gutt som vokste opp til å bli pilot. Magozwe pleide å dagdrømme om å bli pilot. Noen ganger innbilde han seg at han var gutten i fortellingen.



Trời rất lạnh và Magozwe đang đứng ăn xin trên đường. Một người đàn ông đi tới chỗ của nó. Người đàn ông nói: “Xin chào. Chú là Thomas. Chú làm việc gần đây, ở một nơi mà cháu có thể có cái gì để ăn.” Ông này chỉ vào một ngôi nhà màu vàng có mái màu xanh da trời. Ông nói: “Chú hi vọng là cháu sẽ tới đó để lấy một ít thức ăn?” Magozwe nhìn người đàn ông, và sau đó nhìn ngôi nhà. Nó nói: “Có thể lắm”, và sau đó bỏ đi.

...

Det var kaldt og Magozwe stod langs veien og tigget. En mann gikk bort til ham. “Hei, jeg heter Thomas. Jeg bor i nærheten, på et sted der du kan få deg noe å spise”, sa han og pekte på et gult hus med blått tak. “Jeg håper du drar dit for å få deg litt mat?” spurte han. Magozwe så på ham, og deretter på huset. “Kanskje”, sa han og gikk.

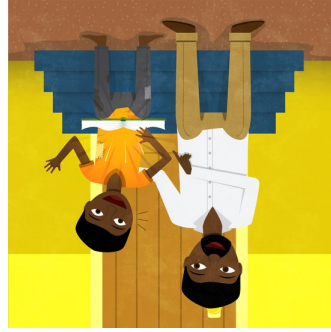


Magozwe suy nghĩ về nơi ở mới này và về việc đi học. Nếu chú nó nói đúng rằng nó nghèo quá không thể học gì được thì sao? Nếu người ta đánh nó ở chỗ mới này thì sao? Nó cảm thấy sợ. Nó nghĩ rằng: “Có thể tốt hơn là nên sống trên đường phố.”

...

Magozwe tenkte på dette nye stedet og på å gå på skolen. Hva om onkelen hans hadde rett og han var for dum til å lære noe? Hva om de slo ham på dette nye stedet? Han var redd. “Kanskje det er bedre å bo på gata”, tenkte han.

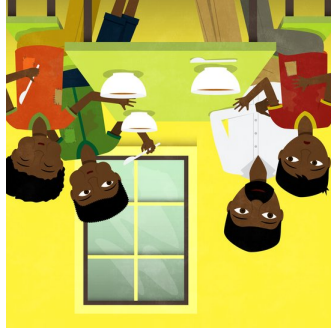




Vào khoảng sinh nhật mười tuổi của Magozwe, Thomas cho nó một quyển truyện mới. Quyển truyện này về một câu bé ở trong làng nhưng lớn trở thành một câu thú bông đã rất nổi tiếng. Thomas đọc câu chuyện này cho Magozwe rất nhiều lần, cho đến một ngày nọ, ông nói: “Chú nghĩ đã đến lúc cháu đi đến trường và học cách đọc. Cháu nghĩ thế nào?” Thomas giải thích rằng ông biết có một nơi mà trẻ con có thể đến ở và đi học.

...

Omkring Magozwes tiende fødselsdag ga Thomas ham en ny barnebok. Det var fortellingen om en landsbygut som vokste opp til å bli en berømt fotballspiller. Thomas leste den fortellingen for Magozwe mange ganger, helt til han en dag sa: “Jeg synes det er på tide at du går på skolen og lærer å lese. Hva synes du?” Thomas forklarte at han visste om et sted hvor barn kunne bo og gå på skole.



Nhiều tháng sau đó, những bé trai vô gia cư này quen với việc thấy Thomas quanh đó. Thomas thích trò chuyện với người khác, đặc biệt là những người sống trên đường phố. Thomas lắng nghe những câu chuyện về cuộc sống của những người này. Ông rất nghiêm túc và kiên nhẫn, không bao giờ tỏ thái độ hay bất kính đối với người khác. Một vài bé trai cũng bắt đầu tới ngôi nhà màu xanh, vâng để lấy thức ăn lúc giữa ngày.

...

I månedene som fulgte ble de hjemløse guttene vant til å se Thomas. Han likte å snakke med folk, spesielt de som bodde på gata. Thomas hørte på fortellinger om livene til folk. Han var seriøs og tålmodig, aldri frekk eller respektløs. Noen av guttene begynte å dra til det gule og blå huset for å få mat midt på dagen.



Magozwe đang ngồi trên vỉa hè đọc quyển sách hình thì Thomas tới ngồi bên cạnh nó. Thomas hỏi: “Quyển sách này nói về cái gì thế?” Magozwe trả lời: “Nó kể về một cậu bé muốn trở thành phi công.” Thomas hỏi: “Cậu bé đó tên gì?” Magozwe nói nhỏ: “Cháu không biết. Cháu không biết đọc.”

...

Magozwe satt på fortauet og kikket i bildeboka da Thomas kom og satte seg ved siden av ham. “Hva handler fortellingen om?” spurte Thomas. “Den handler om en gutt som blir pilot”, svarte Magozwe. “Hva heter gutten?” spurte Thomas. “Jeg vet ikke, jeg kan ikke lese”, svarte Magozwe lavt.



Khi họ gặp nhau, Magozwe bắt đầu kể chuyện của mình cho Thomas nghe. Đó là câu chuyện về chú của nó và vì sau nó bỏ nhà đi. Thomas không nói nhiều và cũng không bảo Magozwe phải làm gì, nhưng ông luôn lắng nghe rất chăm chú. Thỉnh thoảng, họ cũng trò chuyện trong lúc ăn ở ngôi nhà có mái màu xanh da trời.

...

Da de møttes, begynte Magozwe å fortelle sin egen historie til Thomas. Det var historien om onkelen hans og hvorfor han rømte hjemmefra. Thomas snakket ikke mye, og han sa ikke til Magozwe hva han skulle gjøre, men han lyttet alltid oppmerksomt. Noen ganger snakket de sammen mens de spiste i det gule huset med det blå taket.